

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN HIMEL

Tháng 4 - 2023

(Đã bao gồm thuế)



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

"Khát vọng mang thương hiệu thiết bị điện Himel - Tây Ban Nha đến mọi Gia Đình Việt với tiêu chuẩn cao. **ĐẲNG CẤP - CHẤT LƯỢNG - GIÁ CẢ PHÙ HỢP** Chúng tôi cam kết và luôn nỗ lực hướng đến lợi ích khách hàng. Khách hàng **Chắc Chắn** cảm thấy an tâm về chất lượng khi sử dụng và hạnh phúc khi hợp tác cùng nhau."

LÊ QUANG MÃN

CEO TAM GIAO



	TRANG
• Công tắc ổ cắm dân dụng Prime v2	1
• Công tắc ổ cắm dân dụng Click	3
• Ổ cắm âm sàn	4
• Cầu dao tự động MCB dòng cắt 6000A	5
• Cầu dao tự động MCB dòng cắt 10000A	6
• Cầu dao chống rò RCCB, chống rò và quá tải RCBO	7
• Cầu chì, tủ phân phối MCB	8
• Chống sét lan truyền, contactor dạng tép	9
• Nguồn tổ ong, cầu dao cóc	10
• Cầu dao tự động dạng khối MCCB dòng cắt chuẩn	11
• Cầu dao tự động dạng khối chỉnh dòng điện tử, phụ kiện MCCB	12
• Máy cắt không khí ACB	13
• Contactor	14
• Relay nhiệt	15
• Contactor cho tụ bù, Bộ điều khiển tụ bù, Cuộn kháng	16
• Tụ Bù Himel - Tây Ban Nha	17
• Motor protector và khởi động từ hộp	18
• Công tắc xoay, nút nhấn, đèn báo pha HLAY7	19
• Công tắc xoay, nút nhấn, nút nhấn có đèn HLAY5	20
• Phụ kiện tủ bảng điện FORT	21
• Phích cắm và ổ cắm công nghiệp	24
• Bảng giá biến tần himel	26



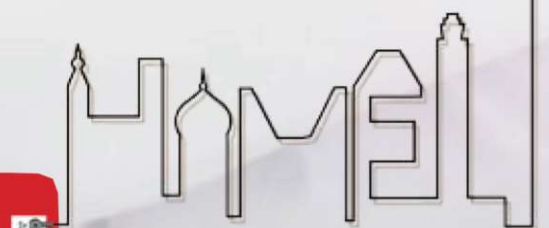
**ĐẠT CHỨNG NHẬN DO TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1&3 VÀ GIẤY PHÉP LÊN LƯỚI ĐIỆN LỰC.**



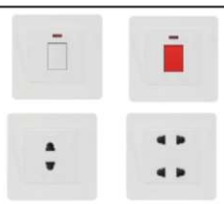
Có phải Quý Khách hàng đang tìm kiếm các thiết bị điện thỏa mãn các điều kiện

“AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - GIÁ CẢ HỢP LÝ” nhằm phục vụ cho cuộc sống và công việc của mình, Chúng tôi, CÔNG TY ĐIỆN TAM GIAO sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu đó của Quý Khách hàng bằng cách cung cấp các sản phẩm mang thương hiệu Himel – Tây Ban Nha theo đúng chuẩn Châu Âu, Chúng tôi luôn xem Sự hài lòng của Quý Khách hàng là mục tiêu phấn đấu xuyên suốt của tập thể lãnh đạo, nhân viên công ty và chắc chắn chúng tôi sẽ thực hiện được.

Hãy trao cho Chúng tôi một cơ hội được phục vụ Quý Khách hàng và hãy đặt niềm tin vào Chúng tôi.



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA.

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	công tắc đơn 1 chiều	HWDPB1G1W	42,000
	công tắc đơn 2 chiều	HWDPB1G2W	49,000
	công tắc đôi 1 chiều	HWDPB2G1W	63,000
	công tắc đôi 2 chiều	HWDPB2G2W	69,000
	công tắc ba 1 chiều	HWDPB3G1W	76,000
	công tắc ba 2 chiều	HWDPB3G2W	90,000
	công tắc bốn 1 chiều	HWDPB4G1W	97,000
	công tắc bốn 2 chiều	HWDPB4G2W	111,000
	Công tắc năm 1 chiều	HWDP5G1W	110,000
	Công tắc sáu 1 chiều	HWDP5G1W	116,000
	công tắc chuông cửa	HWDPBDB	60,000
	ổ cắm đơn	HWDPMF	90,000
	ổ cắm đơn có công tắc	HWDPMFS	108,000
	ổ cắm đơn có công tắc và đèn báo	HWDPMFSN	111,000
	Mặt trơn	HWDPBP3	34,000
	ổ cắm đôi 5 chấu	HWDP5PS	101,000
	ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc	HWDP5PSS	126,000
	ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc và đèn báo	HWDP5PSSN	133,000
	ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc, đèn báo và cổng USB	HWDP5PSSNUSB	293,000
	ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc, đèn báo và 2 cổng USB	HWDP5PSSN2USB	363,000
	Cầu dao cho máy lạnh 20A	HWDP20A	152,000
	Cầu dao cho máy lạnh 45A	HWDP45A	205,000
	ổ cắm đơn 2 chấu	HWDP2PS	63,000
	ổ cắm đôi 4 chấu	HWDP2G2PS	86,000
	công tắc đơn 1 chiều kết hợp ổ cắm đơn 2 chấu	HWDP1G1W2P	91,000
	công tắc đơn 2 chiều kết hợp ổ cắm đơn 2 chấu	HWDP1G2W2P	97,000
	công tắc đơn 1 chiều kết hợp ổ cắm đôi 2 chấu	HWDP1G1W22P	110,000
	công tắc đơn 2 chiều kết hợp ổ cắm đôi 2 chấu	HWDP1G2W22P	114,000
	ổ cắm đơn 2 chấu kết hợp 1 cổng USB	HWDP2PUSB	223,000
	ổ cắm đơn 2 chấu kết hợp 2 cổng USB	HWDP2P2USB	303,000
	ổ cắm đơn tivi	HWDP2TV	105,000
	ổ cắm đôi tivi	HWDP2TV	116,000

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Ổ cắm đơn điện thoại	HWDPTEL	48,000
	Ổ cắm đơn mạng	HWDPCOM	52,000
 	Ổ cắm đôi điện thoại	HWDP2TEL	111,000
	Ổ cắm đôi mạng	HWDP2COM	146,000
	Ổ cắm mạng kết hợp điện thoại	HWDPCOMTEL	125,000
	Ổ cắm tivi kết hợp điện thoại	HWDP2TVTEL	97,000
 	Núm xoay chỉnh quạt 300W	HWDPFS3	167,000
	Núm xoay chỉnh quạt 500W	HWDPFS5	213,000
	Núm xoay chỉnh đèn 300W	HWDPD3	167,000
	Núm xoay chỉnh đèn 500W	HWDPD5	213,000
	Núm xoay chỉnh đèn 1000W	HWDPD10	292,000
	Núm xoay chỉnh đèn 1500W	HWDPD15	341,000
	Công tắc đơn kết hợp núm xoay chỉnh đèn 300W	HWDP1GD3	326,000
	Công tắc đơn kết hợp núm xoay chỉnh đèn 500W	HWDP1GD5	391,000
  	Công tắc điều khiển bằng vân tay	HWDPD3	154,000
	Công tắc điều khiển bằng giọng nói	HWDPVC	162,000
	Công tắc điều khiển bằng giọng nói tích hợp báo cháy (3 nhánh)	HWDPVC3L	269,000
	Công tắc điều khiển bằng giọng nói tích hợp báo cháy (4 nhánh)	HWDPVC4L	257,000
	Chuông cửa tích hợp bộ dọn phòng/không làm phiền	HWDPHDND	244,000
	Công tắc cảm biến chuyển động	HWDPHB	358,000
	Cảm biến chuyển động tích hợp báo cháy	HWDPHBF	460,000
     	Ổ cắm thẻ ra vào khách sạn	HWDPHKC	441,000
	Ổ cắm thẻ từ ra vào khách sạn (Loại tần số thấp)	HWDPHKCLF	715,000
	Ổ cắm thẻ từ ra vào khách sạn (Loại tần số cao)	HWDPHKCHF	995,000
	Mặt che chống nước	HHEWP55TP	222,000
	Ổ cắm đôi 2x 5 chấu	HWDP2MFS	240,000
	Ổ cắm đôi 2x5 chấu & 2 cổng USB	HWDP2MFSN2USB	468,000
     	Đế đơn giữ điện thoại	HWDPPIH	54,000
	Đế đơn giữ điện thoại màu vàng	HWDPPIHG	68,000
	Đế treo giữ điện thoại	HWDPPIHS	54,000
	Đế đơn giữ điện thoại màu vàng	HWDPPIHSG	82,000
	Đế đơn giữ điện thoại màu vàng	HWDPPIHDG	124,000



Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá
	Hạt 1 chiều loại 72mm	HWDC51S	18,000
	Hạt 2 chiều loại 72mm	HWDC51S2	41,000
	Hạt 1 chiều loại 36mm	HWDC52S1	16,000
	Hạt 2 chiều loại 36mm	HWDC52S2	19,000
	Hạt 1 chiều loại 24mm	HWDC53S	15,000
	Hạt 2 chiều loại 24mm	HWDC53S2	28,000
	Hạt 3 chiều loại 24mm	HWDC53S3	44,000
	Hạt 1 chiều kép loại nhỏ 2x18mm	HWDC54S	50,000
	Hạt 2 chiều kép loại nhỏ 2x18mm	HWDC54S2	94,000
	Hạt công tắc chuông cửa-24mm	HWDC5BS	46,000
	Hạt Ổ Cắm 2 chấu- 24mm có màn bảo vệ	HWDC52PS	26,000
	Mặt 1 mô đun	HWDC5P1	15,000
	Mặt 2 mô đun	HWDC5P2	15,000
	Mặt 3 mô đun	HWDC5P3	15,000
	Mặt cho MCB 1P	HWCD1MC	15,000
	Mặt cho MCB 2P	HWCD2MC	15,000
	Mặt bảo vệ chống nước	HWDCWP	126,000

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá
	Hạt ổ cắm 3 chấu -36mm	HWDC5MF	58,000
	Hạt ổ cắm đôi 3 chấu	HWDC5TWU	66,000
	Hạt đơn gồm 2 ổ sạc nhanh USB	HWDC5USB	151,000
	Hạt Tivi-24mm	HWDC5SAT	57,000
	Hạt Điện Thoại-24mm	HWDC5TEL4	57,000
	Hạt Mạng + Màn bảo vệ	HWDC5DAT8	57,000
	Hạt tròn 24mm	HWDC5BP	4,000
	Hạt Chiết Áp cho đèn-24mm	HWDC5D	125,000
	Hạt chiết áp cho quạt-24mm	HWDC5FS	125,000
	Hạt cắm biển-36mm	HWDC5SEN	386,000
	Hạt chuông	HWDC5BUZ	132,000



Lưu ý: Màu mặc định là màu trắng, với các màu sắc khác quý khách vui lòng liên hệ với đại lý gần nhất

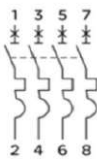
Ổ CẮM ÂM SÀN

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá
	Mặt ổ cắm âm sàn 3 modul	HHEFS1A	895,000
	Mặt ổ cắm âm sàn chống nước 3 modul	HHEFS1AW	1,172,000
	Mặt ổ cắm âm sàn đôi 3 modul	HHEFS22A	1,743,000
	Mặt ổ cắm âm sàn 4 modul	HHEFS2A	1,453,000
	Hạt ổ cắm âm sàn 2 chấu đơn dạng 1 modul	HHEFSF2	46,000
	Hạt ổ cắm âm sàn 3 chấu đơn dạng 2 modul	HHEFSF4	76,000

Your best solution for safety, practicality and reliability.



- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60899-1
- Khả năng ngắt mạch: 6000A
- Điện áp: 230/400 VAC
- Số cực: 1P, 2P, 3P, 4P
- Loại đường cong C

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P 	6	HDB3WN1C6	65,000
		10	HDB3WN1C10	65,000
		16	HDB3WN1C16	65,000
		20	HDB3WN1C20	65,000
		25	HDB3WN1C25	65,000
		32	HDB3WN1C32	65,000
		40	HDB3WN1C40	65,000
		50	HDB3WN1C50	75,000
		63	HDB3WN1C63	75,000
	2P 	6	HDB3WN2C6	139,000
		10	HDB3WN2C10	139,000
		16	HDB3WN2C16	139,000
		20	HDB3WN2C20	139,000
		25	HDB3WN2C25	139,000
		32	HDB3WN2C32	139,000
		40	HDB3WN2C40	139,000
		50	HDB3WN2C50	160,000
		63	HDB3WN2C63	160,000
	3P 	6	HDB3WN3C6	225,000
		10	HDB3WN3C10	225,000
		16	HDB3WN3C16	225,000
		20	HDB3WN3C20	225,000
		25	HDB3WN3C25	225,000
		32	HDB3WN3C32	225,000
		40	HDB3WN3C40	225,000
		50	HDB3WN3C50	259,000
		63	HDB3WN3C63	259,000
	4P 	6	HDB3WN4C6	396,000
		10	HDB3WN4C10	396,000
		16	HDB3WN4C16	396,000
		20	HDB3WN4C20	396,000
		25	HDB3WN4C25	396,000
		32	HDB3WN4C32	396,000
		40	HDB3WN4C40	396,000
		50	HDB3WN4C50	453,000
		63	HDB3WN4C63	453,000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60898, 60947-2
- Khả năng ngắt mạch $I_{cu} = 10,000A$
- Điện áp : 230/400 VAC
- Số cực : 1P, 2P, 3P, 4P
- Loại đường cong C, đóng cắt nhanh
- Cửa sổ hiển thị On/Off
- Kích thước : 18mm & 27mm

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P 10kA 	6	HDB9H63A1C6	103,000
		10	HDB9H63A1C10	103,000
		16	HDB9H63A1C16	103,000
		20	HDB9H63A1C20	103,000
		25	HDB9H63A1C25	103,000
		32	HDB9H63A1C32	103,000
		40	HDB9H63A1C40	103,000
		50	HDB9H63A1C50	124,000
		63	HDB9H63A1C63	124,000
		80	HDB3W125H1C80	236,000
		100	HDB3W125H1C100	236,000
		125	HDB3W125H1C125	236,000
	2P 10kA 	6	HDB9H63A2C6	222,000
		10	HDB9H63A2C10	222,000
		16	HDB9H63A2C16	222,000
		20	HDB9H63A2C20	222,000
		25	HDB9H63A2C25	222,000
		32	HDB9H63A2C32	222,000
		40	HDB9H63A2C40	222,000
		50	HDB9H63A2C50	259,000
		63	HDB9H63A2C63	259,000
		80	HDB3W125H2C80	424,000
		100	HDB3W125H2C100	424,000
		125	HDB3W125H2C125	424,000
	3P 10kA 	6	HDB9H63A3C6	359,000
		10	HDB9H63A3C10	359,000
		16	HDB9H63A3C16	359,000
		20	HDB9H63A3C20	359,000
		25	HDB9H63A3C25	359,000
		32	HDB9H63A3C32	359,000
		40	HDB9H63A3C40	359,000
		50	HDB9H63A3C50	463,000
		63	HDB9H63A3C63	463,000
		80	HDB3W125H3C80	691,000
		100	HDB3W125H3C100	691,000
		125	HDB3W125H3C125	691,000
	4P 10kA 	6	HDB9H63A4C6	552,000
		10	HDB9H63A4C10	552,000
		16	HDB9H63A4C16	552,000
		20	HDB9H63A4C20	552,000
		25	HDB9H63A4C25	552,000
		32	HDB9H63A4C32	552,000
		40	HDB9H63A4C40	552,000
		50	HDB9H63A4C50	642,000
		63	HDB9H63A4C63	642,000
		80	HDB3W125H4C80	878,000
		100	HDB3W125H4C100	878,000
		125	HDB3W125H4C125	878,000

- Cách ly, đóng ngắt, chống dòng rò điện
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61008-1
- Điện áp : 230/400 VAC
- Số cực : 2P, 4P
- Dòng rò $I_{\Delta n} = 30\text{mA}, 100\text{mA}$

Hình ảnh	Số cực	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	30	10	HDB3VR210SC	538,000
			16	HDB3VR216SC	538,000
			25	HDB3VR225SC	538,000
			40	HDB3VR240SC	538,000
			63	HDB3VR263SC	538,000
			80	HDB3VR280SC	741,000
			100	HDB3VR2100SC	741,000
		YC: 100	10	HDB3VR210YC	625,000
			16	HDB3VR216YC	625,000
			25	HDB3VR225YC	625,000
			40	HDB3VR240YC	625,000
			63	HDB3VR263YC	625,000
			80	HDB3VR280YC	856,000
			100	HDB3VR2100YC	856,000
	4P	YC: 100	10	HDB3VR410YC	856,000
			16	HDB3VR416YC	856,000
			25	HDB3VR425YC	856,000
			40	HDB3VR440YC	856,000
			63	HDB3VR463YC	856,000
			80	HDB3VR480YC	1,101,000
			100	HDB3VR4100YC	1,101,000

CẦU DAO CHỐNG RÒ VÀ QUÁ TẢI RCBO

- Bảo vệ chống rò, quá tải, ngắn mạch
- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 61009-1
- Điện Áp 230/400VAC
- Số Cực: 1P+N
- Dòng Rò: 30mA

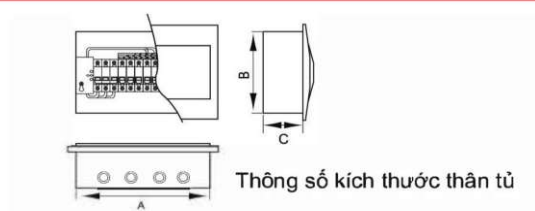
Hình Ảnh	Dòng Định Mức (A)	Dòng Cắt Icu = 4.5kA		Dòng Cắt Icu = 6kA	
		Mã Hàng	Đơn Giá (VNĐ)	Mã Hàng	Đơn Giá (VNĐ)
	6	HDB3wpLEC6	394.000		
	10	HDB3wpLEC10	394.000		
	16	HDB3wpLEC16	394.000	HDB3WLEN1C16	486.000
	20	HDB3wpLEC20	394.000	HDB3WLEN1C20	486.000
	25	HDB3wpLEC25	394.000	HDB3WLEN1C25	486.000
	32	HDB3wpLEC32	394.000	HDB3WLEN1C32	486.000
	40	HDB3wpLEC40	394.000	HDB3WLEN1C40	486.000
	50			HDB3WLEN1C50	522.000
	63			HDB3WLEN1C63	522.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60269
- Sử dụng với cầu chì ống chuẩn 10x38 mm
- Dòng điện định mức: 2 ~ 32A

- Điện áp: 500 VAC
- Có đèn cảnh báo
- Số cực: 1P

Hình ảnh	Sản phẩm	Dòng định mức (A)	mã hàng	Đơn giá VND
	Ruột cầu chì	2	HRT1810382	6.000
		4	HRT1810384	6.000
		6	HRT1810386	6.000
		100	HRT1600100	83,000
	Đế cầu chì	32	HRT1832ZXB	39,000
		160	HRT1600ZS	100,000

TỦ PHÂN PHỐI MCB



- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60439-1, IEC 60670
- Bảo vệ theo cấp IP30
- Khả năng chứa từ 4 đến 36 module
- Sử dụng chất liệu nhựa chống cháy

Hình ảnh	Mô tả (AxBxC)	Mã hàng	Đơn giá VND
	Tủ nhựa âm tường 4 module (126x200x90)	HDPZ50PR4IP30F	125,000
	Tủ nhựa âm tường 6 module (162x200x90)	HDPZ50PR6IP30F	192,000
	Tủ nhựa âm tường 8 module (198x200x90)	HDPZ50PR8IP30F	310,000
	Tủ nhựa âm tường 12 module (270x200x90)	HDPZ50PR12IP30F	385,000
	Tủ nhựa âm tường 15 module (324x200x90)	HDPZ50PR15IP30F	422,000
	Tủ nhựa âm tường 18 module (378x216x90)	HDPZ50PR18IP30F	615,000
	Tủ nhựa âm tường 24 module (261x310x90)	HDPZ50PR24IP30F	980,000
	Tủ nhựa âm tường 36 module (261x441x90)	HDPZ50PR36IP30F	1,309,000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC61643

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Điện áp (V)	Mã hàng	Đơn giá VND
	1P	40	385	HDY3401	354,000
	1P+N			HDY3405	708,000
	3P+N			HDY3406	1,298,000
	3P+N	80	385	HDY3806	2,419,000
		120		HDY31206	3,835,000
		160		HDY31606	5,899,000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61095
- Điện áp : 220V , Số cực : 2P

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá VND
	16A 2P 2NO 230V	HDCH8S16220	460,000
	20A 2P 2NO 230V	HDCH8S20220	460,000
	25A 2P 2NO 230V	HDCH8S25220	460,000
	40A 2P 2NO 230V	HDCH8S40220	552,000
	63A 2P 2NO 230V	HDCH8S63220	605,000

Hình ảnh	Loại	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá VND
	380V	Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha	HXJ9380	555,000

Hình Ảnh	Mã Hàng	Mô Tả	Đơn Giá (VNĐ)
	HDKUS10012	Bộ nguồn tổ ong 12V - 8A - 100W	485,000
	HDKUS15012	Bộ nguồn tổ ong 12V - 12A - 150W	602,000
	HDKUS20012	Bộ nguồn tổ ong 12V - 15A - 200W	888,000
	HDKUS35012	Bộ nguồn tổ ong 12V - 30A - 350W	1,054,000
	HDKUS10024	Bộ nguồn tổ ong 24V - 4A - 100W	485,000
	HDKUS20024	Bộ nguồn tổ ong 24V - 8A - 200W	888,000
	HDKUS35024	Bộ nguồn tổ ong 24V - 15A - 350W	1,054,000
	HDKUS10048	Bộ nguồn tổ ong 48V - 2A - 100W	485,000
	HDKUS35005	Bộ nguồn tổ ong 5V - 70A - 350W	1,054,000

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	20	HDRN32C20WG	62,000
		25	HDRN32C25WG	62,000
		32	HDRN32C32WG	62,000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 20kA, 25kA, 35kA, 50kA, 70kA, 85kA
- Số cực : 3P, 2P
- Dòng định mức từ : 10A → 1600A



SẢN PHẨM MCCB HDM

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	20	10	HDM2125L0102	485,000
			32	HDM2125L0102	683,000
			40	HDM2125L0402	683,000
			50	HDM2125L0502	683,000
			63	HDM2125L0632	788,000
			80	HDM2125L0802	788,000
			100	HDM2125L1002	788,000
			125	HDM2125L1252	788,000
   	3P	25	10	HDM363S1033XX	701,000
			16	HDM363S1633XX	701,000
			20	HDM363S2033XX	736,000
			25	HDM363S2533XX	736,000
			32	HDM363S3233XX	750,000
			40	HDM363S4033XX	750,000
			50	HDM363S5033XX	750,000
			63	HDM363S6333XX	830,000
		25	80	HDM3100S8033XX	886,000
			100	HDM3100S10033XX	886,000
		35	125	HDM3160S12533XX	1,448,000
			140	HDM3160S14033XX	1,448,000
			160	HDM3160S16033XX	1,448,000
		35	180	HDM3250S18033XX	1,679,000
			200	HDM3250S20033XX	1,679,000
			225	HDM3250S22533XX	1,679,000
			250	HDM3250S25033XX	1,679,000
		70	315	HDM3400N31533XX	3,952,000
			350	HDM3400N35033XX	3,952,000
			400	HDM3400N40033XX	3,952,000
			500	HDM3630N50033XX	5,014,000
			630	HDM3630N63033XX	5,014,000
			700	HDM3800F70033XX	10,014,000
			800	HDM3800F80033XX	10,014,000
			1000	HDM31600N100033XX	23,731,000
			1250	HDM31600N125033XX	24,963,000
			1600	HDM31600N160033XX	26,000,000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC415V : 50kA
- Số cực : 3P
- Dòng định mức từ (In) : 50A --> 1600A
- Dòng cài đặt hiệu chỉnh điện tử (Ir): 0.4-1 In

Hình ảnh	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	50	125	HDM3E125M12533XX	3,429,000
		250	HDM3E250M25033XX	5,890,000
		400	HDM3E400M40033XX	7,964,000
		630	HDM3E630M63033XX	11,334,000
		800	HDM3E800M80033XX	13,098,000
		1000	HDM3E16M103F555L2	32,445,000
		1250	HDM3E16M123F555L2	34,125,000
		1600	HDM3E16XM16X33XX	35,473,000

Hình ảnh	Loại MCCB	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	HDM3-63	230V	HDM363MX1A2	497,000
	HDM3-100s		HDM3100SMX1A2	522,000
	HDM3-250		HDM3250MX1A2	522,000
	HDM3-400		HDM3400MX1A2	1,042,000
	HDM3-630		HDM3630MX1A2	1,042,000
	HDM3-800		HDM3800MX1A2R3P	1,042,000
	HDM3-1000/1250/1600		HDM31600MX1A2L	2,244,000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC415V : 65-120kA

Hình ảnh	Loại	Số cực	Dòng cắt ngắn mạch (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn Giá VND
	FIX	3P	65	630	HDW320S063FHNN56M	48,580,000
				800	HDW320S083FHNN56M	50,896,000
				1000	HDW320S103FHNN56M	53,211,000
				1250	HDW320S123FHNN56M	54,369,000
				1600	HDW320S163FHNN56M	56,684,000
				2000	HDW320S203FHNN56M	62,248,000
			85	2500	HDW340S253FHNN54M	106,058,000
			100	3200	HDW340M323FHNN54M	121,970,000
				4000	HDW340M403FHNN54M	191,995,000
		4P	65	630	HDW320S064FHNN56M	55,526,000
				800	HDW320S084FHNN56M	57,845,000
				1000	HDW320S104FHNN56M	60,157,000
				1250	HDW320S124FHNN56M	64,806,000
				1600	HDW320S164FHNN56M	65,945,000
				2000	HDW320S204FHNN56M	72,891,000
			85	2500	HDW340S254FHNN54M	112,240,000
			100	3200	HDW340M324FHNN54M	142,925,000
				4000	HDW340M404FHNN54M	234,360,000
	DRAW OUT	3P	65	630	HDW320S063DHNN56M	63,630,000
				800	HDW320S083DHNN56M	64,819,000
				1000	HDW320S103DHNN56M	65,945,000
				1250	HDW320S123DHNN56M	67,102,000
				1600	HDW320S163DHNN56M	68,366,000
				2000	HDW320S203DHNN56M	75,206,000
			85	2500	HDW340S253DHNN54M	140,928,000
			100	3200	HDW340M323DHNN54M	166,806,000
				4000	HDW340M403DHNN54M	248,046,000
			120	5000	HDW363M503DHNN54M	267,024,000
				6300	HDW363M633DHNN56M	308,700,000
		4P	65	630	HDW320S064DHNN56M	70,691,000
				800	HDW320S084DHNN56M	71,698,000
				1000	HDW320S104DHNN56M	73,007,000
				1250	HDW320S124DHNN56M	74,164,000
				1600	HDW320S164DHNN56M	76,479,000
				2000	HDW320S204DHNN56M	87,592,000
			85	2500	HDW340S254DHNN54M	158,345,000
			100	3200	HDW340M324DHNN54M	187,422,000
				4000	HDW363M404DHNN54M	265,866,000
			120	5000	HDW363M504DHNN54M	289,019,000

- Sử dụng cho các động cơ 3 pha, tiêu chuẩn dạng tải AC tần số 50/60Hz (Nhiệt độ $\leq 60^{\circ}\text{C}$).
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-4-1
- Điện áp : 220/380 VAC • Số cực : 3P

Hình ảnh	Điện áp (V)	Số cực	Công suất (kW)	Dòng định mức (A)	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá VND
 	AC/220V	3P	4	9	1	1	HDC30911M7	205,000
			5.5	12	1	1	HDC31211M7	245,000
			7.5	18	1	1	HDC31811M7	361,000
			11	25	1	1	HDC32511M7	417,000
			15	32	1	1	HDC33211M7	579,000
			18	38	1	1	HDC33811M7	707,000
			18.5	40	1	1	HDC34011M7	834,000
			22	50	1	1	HDC35011M7	914,000
			30	65	1	1	HDC36511M7	975,000
			37	80	1	1	HDC38011M7	1,425,000
			45	95	1	1	HDC39511M7	1,695,000
			55	120	-	-	HDC3120M	3,650,000
			75	160	-	-	HDC3160M	3,700,000
			90	185	-	-	HDC3185M	4,884,000
			110	225	-	-	HDC3225M	5,088,000
			132	265	-	-	HDC3265KUE7	7,636,000
			160	330	-	-	HDC3330KUE7	8,608,000
			200	400	-	-	HDC3400KUE7	8,870,000
			250	500	-	-	HDC3500KUE7	17,015,000
			335	630	-	-	HDC3630KUE7	17,996,000

- Ghi chú: để chọn điện áp cuộn hút 380V, vui lòng thay thế ký tự “M” bằng ký tự “Q” (giá bán tương đương)

Hình ảnh	Loại	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá VND
 	1NO + 1NC	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt bên	HFC611	84,000
	1NO + 1NC	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt trên	HFD611	84,000
	2NO + 2NC	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt trên	HFD622	134,000

- Sử dụng cho việc bảo vệ động cơ và bảo vệ pha
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947 4-1
- Cấu tạo với lưỡng kim nhiệt ở 3 cực



Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá VND
	Relay nhiệt (0.63-1A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s251	228,000
	Relay nhiệt (1-1.6A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s251P6	228,000
	Relay nhiệt (1.6-2.5A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s252P5	228,000
	Relay nhiệt (2.5-4 A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s254	228,000
	Relay nhiệt (4-6A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s256	228,000
	Relay nhiệt (5.5-8A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s258	228,000
	Relay nhiệt (7-10A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2510	228,000
	Relay nhiệt (9-13A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2513	228,000
	Relay nhiệt (12-18A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2518	228,000
	Relay nhiệt (17-25A) dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s2525	228,000
	Relay nhiệt (23-32)A dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s3832	317,000
	Relay nhiệt (30-40)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9340	525,000
	Relay nhiệt (37-50)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9350	525,000
	Relay nhiệt (48-65)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9365	525,000
	Relay nhiệt (55-70)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9370	525,000
	Relay nhiệt (63-80)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9380	525,000
	Relay nhiệt (80-93)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9393	525,000

CONTACTOR CHO TỤ BÙ



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Founded in Spain in 1958

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-4-1 | IEC 60947-5-1
- Dòng định mức từ 25-115A
- Điện áp 220V/380V

Hình Ảnh	Loại	Ứng với công suất Tụ (Kvar)	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	HDC19s-25	15	HDC19S2511M7	509,000
	HDC19s-32	20	HDC19S3211M7	764,000
	HDC19s-43	25	HDC19S4311M7	1,019,000
	HDC19s-63	30	HDC19S6312M7	1,210,000
	HDC19s-95	50	HDC19S9512M7	2,076,000
	HDC19s-115	60	HDC19S11512M7	2,518,000

CUỘN KHÁNG



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Founded in Spain in 1958

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 10Kvar 450V	HKSGL1P12G045H7	4,199,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 15Kvar 450V	HKSGL1P05G045H7	4,386,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 20Kvar 450V	HKSGL1P4G045H7	4,574,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 25Kvar 450V	HKSGL1P75G045H7	4,761,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 30Kvar 450V	HKSGL2P1G045H7	5,408,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 40Kvar 450V	HKSGL2P8G045H7	6,055,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 50Kvar 450V	HKSGL3P5G045H7	7,232,000

BỘ ĐIỀU KHIỂN TỤ BÙ



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Founded in Spain in 1958

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 4 Cấp	HJKL2CM4S	1,847,000
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 6 Cấp	HJKL2CM6S	2,249,000
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 12 Cấp	HJKL2CM12S	3,176,000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 4 Cấp	HJKL5CQ4S	1,847,000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 6 Cấp	HJKL5CQ6S	2,249,000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 12 Cấp	HJKL5CQ12S	3,176,000
	Bộ điều khiển tụ bù thông minh 380V 12 Cấp	HJKF5CV12Z	6,720,000

Hình ảnh	Số cực	Điện áp (V)	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá VND
    	3P	450	Tụ bù tròn 10kVAr	HDCAP304500103	982,000
			Tụ bù tròn 15kVAr	HDCAP304500153	1,153,000
			Tụ bù tròn 20kVAr	HDCAP304500203	1,553,000
			Tụ bù tròn 25kVAr	HDCAP304500253	1,954,000
			Tụ bù tròn 30kVAr	HDCAP304500303	2,344,000
	3P	450	Tụ bù vuông 5kVAr	HBSM00450000503D	945,000
			Tụ bù vuông 10kVAr	HBSM00450001003D	982,000
			Tụ bù vuông 15kVAr	HBSM00450001503D	1,153,000
			Tụ bù vuông 20kVAr	HBSM00450002003D	1,725,000
			Tụ bù vuông 25kVAr	HBSM00450002503D	2,170,000
			Tụ bù vuông 30kVAr	HBSM00450003003D	2,605,000
			Tụ bù vuông 40kVAr	HBSM00450004003M	2,648,000
			Tụ bù vuông 50kVAr	HBSM00450005003Q	4,304,000
			Tụ bù vuông 60kVAr	HBSM00450006003Q	4,966,000
	1P	250	Tụ bù vuông 2.5kVAr	HBSM00250000251D	788,000
			Tụ bù vuông 5kVAr	HBSM00250000501D	810,000
			Tụ bù vuông 10kVAr	HBSM00250001001D	1,563,000

MOTOR PROTECTOR



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-1, 60947-2 & 60947-4-1
- Điện áp : 400/415 VAC

Founded in Spain in 1958

- Tần số : 50/60Hz
- Số cực : 3P

Hình ảnh	Công suất (kW)	Dòng điện cài đặt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá VND
	-	0.1~0.16	-	HDP632P16	632,000
	0.06	0.16~0.25	-	HDP632P25	632,000
	0.09	0.25~0.4	4.8	HDB632P4	632,000
	0.12	0.4~0.63	7.56	HDP632P63	632,000
	0.25	0.63~1	12	HDP6321	632,000
	0.37	1~1.6	19.2	HDP6321P6	632,000
	0.75	1.6~2.5	30	HDP6322P5	632,000
	1.5	2.5~4	48	HDP6324	632,000
	2.2	4~6.3	75.6	HDP6326P3	632,000
	4	6~10	120	HDP63210	632,000
	5.5	9~14	168	HDP63214	701,000
	7.5	13~18	216	HDP63218	701,000
	11	17~23	276	HDP63223	701,000
	11	20~25	300	HDP63225	701,000
	15	24~32	384	HDP63232	701,000
HDP6 Tiếp điểm phụ mặt bên HAN INO+ INC				HAN11	166,000

KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG HỘP



THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Sử dụng cho động cơ 3 pha; AC tần số 50/60Hz

Founded in Spain in 1958

- Điện áp: 220/380 VAC
- Số cực: 3P

Hình Ảnh	Công Suất (kW)	Dòng Điện Cài Đặt (A)	Mã Hàng	Đơn Giá (VND)
	0.37	1-1.6	HDS318B09Q71P6M	629,000
	0.75	1.6-2.5	HDS318B09Q72P5M	629,000
	1.5	2.5-4	HDS318B09Q704M	629,000
	2.2	4-6	HDS318B09Q706M	629,000
	3	5.5-8	HDS318B09Q708M	629,000
	4	7-10	HDS318B12Q710M	629,000
	5.5	9-13	HDS318B18Q713M	629,000
	7.5	12-18	HDS318B25Q718M	755,000
	11	17-25	HDS338B25Q725M	855,000
	15	23-32	HDS338B32Q732M	1,516,000
	18.5	30-40	HDS395B40Q740M	1,599,000
	22	37-50	HDS395B50Q750	1,709,000
	30	48-65	HDS395B65Q765	1,930,000

- Ghi chú: Để chọn cuộn coil 220V, vui lòng thay ký tự "Q" bằng "M" (Giá bán tương đương)

- Phù hợp tiêu chuẩn: IEC 60947-5
- Bảo vệ theo cấp IP55 / IP65
- Màu sắc đa dạng / Tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY

Hình ảnh	Màu sắc	Kích thước (mm)	Vị trí	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	Φ22		1	1	HLAY711XB2022	53,000
				1	1	HLAY711XB2122	53,000
				1	1	HLAY711XB3022	53,000
				2	-	HLAY720XB3022	53,000
				2	-	HLAY720XB3322	53,000

NÚT NHẤN

	Đen	Φ22mm	-	1	1	HLAY711BN22	53,000
	Xanh lá		-	1	1	HLAY711BN32	53,000
	Đỏ		-	1	1	HLAY711BN42	53,000
	Vàng		-	1	1	HLAY711BN52	53,000
	Xanh dương		-	1	1	HLAY711BN62	53,000
	Đỏ	Φ22mm	-	0	1	HLAY701ZS42	76,000
			-	1	1	HLAY711ZS42	76,000

ĐÈN BÁO PHA

Hình ảnh	Màu sắc	Điện áp (V)	Đèn báo	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Xanh lá	AC220V	LED	HLD1122D41M3	53,000
	Đỏ			HLD1122D41M4	53,000
	Vàng			HLD1122D41M5	53,000
	Xanh dương			HLD1122D41M8	53,000

- Phù hợp tiêu chuẩn: IEC 60947-5
- Bảo vệ theo cấp IP55 / IP65
- Màu sắc đa dạng / Tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY

Hình ảnh	Màu sắc	Kích thước (mm)	Vị trí	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	Φ22mm		1	-	HLAY5ED21	56,000
				2	-	HLAY5ED33	66,000

NÚT NHẤN

	Xanh lá	Φ22mm	-	1	-	HLAY5EA31	56,000
	Đỏ		-	-	1	HLAY5EA42	56,000
	Đỏ	Φ22mm	-	-	1	HLAY5ES542	71,000

NÚT NHẤN CÓ ĐÈN

Hình ảnh	Màu sắc	Điện áp (V)	Đèn báo	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Xanh lá	AC220V	LED	HLAY5EW33M5L	110,000
	Đỏ			HLAY5EW34M5L	110,000

TIẾP ĐIỂM

Hình ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	1	-	HLAY5BE101	16,000
		-	1	HLAY5BE102	16,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	FT-96V,500V	Đồng hồ VOLTmeter	143,000
	FT-96A 0-50A	Đồng hồ Ampermeter 0-50A/100A	
	FT-96A 0-100A	Đồng hồ Ampermeter 0-100A/200A	
	FT-96A 0-150A	Đồng hồ Ampermeter 0-150A/300A	
	FT-96A 0-200A	Đồng hồ Ampermeter 0-200A/400A	
	FT-96A 0-250A	Đồng hồ Ampermeter 0-250A/500A	
	FT-96A 0-300A	Đồng hồ Ampermeter 0-300A/600A	
	FT-96A 0-400A	Đồng hồ Ampermeter 0-400A/800A	
	FT-96A 0-500A	Đồng hồ Ampermeter 0-500A/1000A	
	FT-96A 0-600A	Đồng hồ Ampermeter 0-600A/1200A	
	FT-96A 0-800A	Đồng hồ Ampermeter 0-800A/1600A	
	FT-96A 0-1000	Đồng hồ Ampermeter (0-1000/2000A)	
	FT-96A 0-1200	Đồng hồ Ampermeter (0-1200/2400A)	
	FT-96A 0-1600	Đồng hồ Ampermeter (0-1600/3200A)	
	FT-96A 0-2000	Đồng hồ Ampermeter (0-2000/4000A)	
	FT-96A 0-2500	Đồng hồ Ampermeter (0-2500/5000A)	
	FT-96A 0-3000	Đồng hồ Ampermeter (0-3000/6000A)	
	FT-96A 0-4000	Đồng hồ Ampermeter (0-4000/8000A)	
	FT-72V,500V	Đồng hồ Voltmeter - FT-72V, 500V	138,000
	FT-72A 0-50A	Đồng hồ Ampermeter (0-50A/100A)	
	FT-72A 0-75A	Đồng hồ Ampermeter (0-75A/150A)	
	FT-72A 0-100A	Đồng hồ Ampermeter (0-100A/200A)	
	FT-72A 0-150A	Đồng hồ Ampermeter (0-150/300A)	
	FT-72A 0-200A	Đồng hồ Ampermeter (0-200/400A)	
	FT-72A 0-250A	Đồng hồ Ampermeter (0-250/500A)	
	MSQ-30, 10x30,50	Biến dòng 50/5 cl.0,5	96,000
	MSQ-30, 10x30,100	Biến dòng 100/5 cl.0,5	
	MSQ-30, 10x30,150	Biến dòng 150/5 cl.0,5	
	MSQ-30, 10x30,200	Biến dòng 200/5 cl.0,5	
	MSQ-30, 10x30,250	Biến dòng 250/5 cl.0,5	
	MSQ 40, 10x40,300	Biến dòng 300/5 cl.0,5	109,000
	MSQ 40, 10x40,400	Biến dòng 400/5 cl.0,5	
	MSQ 40, 10x40,500	Biến dòng 500/5 cl.0,5	
	MSQ 40, 10x40,600	Biến dòng 600/5 cl.0,5	
	MSQ 60, 10x60,800	Biến dòng 800/5 cl.0,5	225,000
	MSQ 60, 10x60,1000	Biến dòng 1000/5 cl.0,5	239,000
	MSQ 60, 10x60,1200	Biến dòng 1200/5 cl.0,5	401,000
	MSQ 100, 10x100/30x80,800	Biến dòng 800/5 cl.0,5	
	MSQ 100,10x100/30x80,1000	Biến dòng 1000/5 cl.0,5	
	MSQ 100,10x100/30x80,1200	Biến dòng 1200/5 cl.0,5	
	MSQ 100,10x100/30x80,1600	Biến dòng 1600/5 cl.0,5	434,000
	MSQ 100,10x100/30x80,2000	Biến dòng 2000/5 cl.0,5	475,000
	MSQ 100,10x100/30x80,2500	Biến dòng 2500/5 cl.0,5	549,000
	MSQ 100,10x100/30x80,3000	Biến dòng 3000/5 cl.0,5	610,000
	MSY 125 4000A	Biến dòng 4000/5 cl.0,5	910,000
	MSY 125 5000A	Biến dòng 5000/5 cl.0,5	1,102,000
	MSY 125 6000A	Biến dòng 6000/5 cl.0,5	1,276,000
	MSQ-580FT, 50x80 400A	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 400A	1,233,000
	MSQ-580FT, 50x80 500A	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 500A	1,248,000
	MSQ-580FT, 50x80 600A	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 600A	1,263,000
	MSQ-580FT, 50x80 800A	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 800A	1,309,000
	MSQ-880FT, 80x80 1000A	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1000A	1,446,000
	MSQ-880FT, 80x80 1200A	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1200A	1,508,000
	MSQ-812FT, 80x120,1200	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1200A	1,675,000
	MSQ-812FT, 80x120,1500	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1500A	1,696,000
	MSQ-812FT, 80x120,1600	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1600A	1,782,000
	MSQ-812FT, 80x120,2000	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 2000A	1,914,000
	MSQ-816FT, 80x160,2500	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 2500A	3,448,000
	MSQ-816FT, 80x160,3000	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 3000A	3,598,000
	MSQ-816FT, 80x160,4000	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 4000A	3,967,000
	MSQ-816FT, 80x160,5000	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 5000A	4,352,000

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá VND
	AD22-22DS RED	Đèn báo pha màu đỏ	18,000
	AD22-22DS YELLOW	Đèn báo pha màu vàng	
	AD22-22DS GREEN	Đèn báo pha màu xanh lá	
	AD22-22DS BLUE	Đèn báo pha màu xanh dương	
	AD116-22DSV RED	Đèn báo volt màu đỏ	54,000
	AD116-22DSV GREEN	Đèn báo volt màu xanh lá	
	AD116-22DSV YELLOW	Đèn báo volt màu vàng	
	AD116-22DSA RED	Đèn báo amper màu đỏ	117,000
	LA115-A5-01 RED	Nút nhấn màu đỏ	41,000
	LA115-A5-10 GREEN	Nút nhấn màu xanh	
	LA115-A5-01D RED	Nút nhấn có đèn màu đỏ	98,000
	LA115-A5-10D GREEN	Nút nhấn có đèn màu xanh	
	LA115-A5-10X	Công tắc xoay 2 vị trí	43,000
	LA115-A5-20XS	Công tắc xoay 3 vị trí	61,000
	AD22-22MSD	Đèn báo D22 220VAC	57,000
	SFT20-4	Bộ chuyển đổi amper	150,000
	SFT20-7	Bộ chuyển đổi volt	

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá VND
   	TP8A16	Bộ hẹn giờ (220-240AC, 50/60Hz, 1min-168h)	393,000
	SUL181H	Bộ hẹn giờ (24H 220VAC)	434,000
	SM 25-6	Gối đỡ busbar SM 25-6mm	11,000
	SM 30-8	Gối đỡ busbar SM 30-8mm	12,000
	SM 35-8	Gối đỡ busbar SM 35-8mm	14,000
	SM 40-8	Gối đỡ busbar SM 40-8mm	16,000
	SM 51-8	Gối đỡ busbar SM 51-8mm	17,000
	SM 76-10	Gối đỡ busbar SM 76-10mm	34,000
	KTS 011-F	Bộ điều chỉnh nhiệt độ NO	151,000
	KTO 011-F	Bộ điều chỉnh nhiệt độ NC	
	ZR 011-F	Bộ điều chỉnh nhiệt độ NO + NC	303,000

PHÍCH CẮM DI ĐỘNG

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá VND
 	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDPM316IP44	84,000
		AC 415	4P, 6H		HDPM416IP44	109,000
			5P, 6H		HDPM516IP44	122,000
	32	AC 230	3P, 6H		HDPM332IP44	147,000
		AC 415	4P, 6H		HDPM432IP44	160,000
			5P, 6H		HDPM532IP44	185,000
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDPM363IP67	848,000
		AC 415	4P, 6H		HDPM463IP67	885,000
			5P, 6H		HDPM563IP67	910,000
	125	AC 230	3P, 6H		HDPM3125IP67	1,622,000
		AC 415	4P, 6H		HDPM4125IP67	1,993,000
			5P, 6H		HDPM5125IP67	2,248,000

Ổ CẮM NỔ DI ĐỘNG

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá VND
  	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDSM316IP44	109,000
		AC 415	4P, 6H		HDSM416IP44	149,000
			5P, 6H		HDSM516IP44	160,000
	32	AC 230	3P, 6H		HDSM332IP44	172,000
		AC 415	4P, 6H		HDSM432IP44	198,000
			5P, 6H		HDSM532IP44	274,000
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDSM363IP67	1,000,000
		AC 415	4P, 6H		HDSM463IP67	1,026,000
			5P, 6H		HDSM563IP67	1,038,000
	125	AC 230	3P, 6H		HDSM3125IP67	2,121,000
		AC 415	4P, 6H		HDSM4125IP67	2,376,000
			5P, 6H		HDSM5125IP67	2,501,000
	16	AC 230	3P, 6H	IP44	HDPS316230 Nối 2 ngã	390,000
					HDPS416230 Nối 3 ngã	463,000

Ổ CẮM CỐ ĐỊNH

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá VND
 	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDSF316IP44	160,000
		AC 415	4P, 6H		HDSF416IP44	198,000
			5P, 6H		HDSF516IP44	211,000
	32	AC 230	3P, 6H		HDSF332IP44	211,000
		AC 415	4P, 6H		HDSF432IP44	236,000
			5P, 6H		HDSF532IP44	249,000
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDSF363IP67	899,000
		AC 415	4P, 6H		HDSF463IP67	935,000
			5P, 6H		HDSF563IP67	974,000
	125	AC 230	3P, 6H		HDSF3125IP67	2,756,000
		AC 415	4P, 6H		HDSF4125IP67	2,885,000
			5P, 6H		HDSF5125IP67	3,012,000

Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

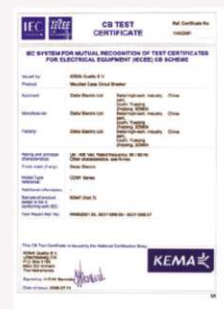


THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá (VND)
	CEE-313 3P 16A	Ổ cắm cố định không đế 3P, 16A	48,000
	CEE-323 3P 32A	Ổ cắm cố định không đế 3P, 32A	59,000
	CEE-324 4P 32A	Ổ cắm cố định không đế 4P, 32A	72,000
	CEE-325 5P 32A	Ổ cắm cố định không đế 5P, 32A	83,000
	CEE-113 3P 16A	Ổ cắm cố định có đế 3P, 16A	118,000
	CEE-123 3P 32A	Ổ cắm cố định có đế 3P, 32A	154,000
	CEE-124 4P 32A	Ổ cắm cố định có đế 4P, 32A	166,000
	CEE-125 5P 32A	Ổ cắm cố định có đế 5P, 32A	181,000

HÌNH ẢNH	ỨNG DỤNG	ĐIỆN ÁP		MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT		ĐƠN GIÁ
		ĐIỆN ÁP VÀO BIẾN TẦN	ĐIỆN ÁP RA MOTOR		KW	HP	
	ỨNG DỤNG TÀI NHÉ: - BĂNG TẢI NÔNG NGHIỆP - MÁY ĐÓNG GÓI - MÁY CÔNG NGHIỆP NHÉ - BƠM CẤP THOÁT NƯỚC - QUẠT THỔI / QUẠT HÚT - QUẠT TẠO OXY TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	1P-220V	3P-220V	HAVBA2S0007G	0.75	1	3,136,000
				HAVBA2S0015G	1.5	2	3,827,000
				HAVBA2S0022G	2.2	3	4,416,000
		3P-380V	3P-380V	HAVBA4T0007G	0.75	1	4,160,000
				HAVBA4T0015G	1.5	2	4,378,000
				HAVBA4T0022G	2.2	3	4,813,000
				HAVBA4T0040G	4.0	5.5	5,978,000
				HAVBA4T0055G	5.5	7.5	7,283,000
 	ỨNG DỤNG CHUYÊN DỤNG CHO BƠM VÀ QUẠT - BƠM CẤP THOÁT NƯỚC - BƠM TUẦN HOÀN - BƠM ĐỊNH LƯỢNG - BƠM CHỮA CHÁY - QUẠT THỔI / QUẠT HÚT - QUẠT THÔNG GIÓ - QUẠT CHỮA CHÁY	3P-380V	3P-380V	HAVSP4T0075P	7.5	10	9,779,000
				HAVSP4T0110P	11.0	15	12,083,000
				HAVSP4T0150P	15.0	20	13,798,000
				HAVSP4T0185P	18.5	25	17,357,000
				HAVSP4T0220P	22.0	30	19,034,000
				HAVSP4T0300P	30.0	40	26,790,000
				HAVSP4T0370P	37.0	50	32,000,000
				HAVSP4T0450P	45.0	60	38,758,000
				HAVSP4T0550P	55.0	75	43,763,000

HÌNH ẢNH	ỨNG DỤNG	ĐIỆN ÁP		MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT		ĐƠN GIÁ
		ĐIỆN ÁP VÀO BIẾN TẦN	ĐIỆN ÁP RA MOTOR		KW	HP	
		1P-220V	3P-220V	HAVXS2S0015G	1.5	2	6,042,000
				HAVXS2S0022G	2.2	3	6,170,000
		3P-220V (Có thể dùng nguồn 1P 220V)	3P-220V	HAVXS2T0015G	1.5	2	6,682,000
				HAVXS2T0022G	2.2	3	6,938,000
				HAVXS2T0055G	5.5	7.5	9,754,000
				HAVXS2T0075G	7.5	10	11,418,000
				HAVXS2T0110G	11.0	15	17,613,000
	ỨNG DỤNG TẢI NẶNG: - BĂNG TẢI KHOÁNG SẴN - BĂNG TẢI NÔNG SẢN - BĂNG TẢI CÔNG NGHIỆP - MÁY DỆT - MÁY GIẶT CÔNG NGHIỆP - MÁY ĐÓNG BAO - HỆ THỐNG LẠNH - MÁY LY TÂM - MÁY ĐÙN - MÁY TRỘN - MÁY SẤY - CẦU TRỤC NÂNG HẠ	3P-380V	3P-380V	HAVXS4T0007G	0.75	1	5,504,000
				HAVXS4T0015G	1.5	2	5,990,000
				HAVXS4T0022G	2.2	3	6,234,000
				HAVXS4T0040G0055P	4.0	5.5	6,950,000
				HAVXS4T0055G0075P	5.5	7.5	8,704,000
				HAVXS4T0075G0110P	7.5	10	10,088,000
				HAVXS4T0110G0150P	11.0	15	12,429,000
				HAVXS4T0150G0185P	15.0	20	14,298,000
				HAVXS4T0185G0220P	18.5	25	18,227,000
				HAVXS4T0220G0300P	22.0	30	22,182,000
				HAVXS4T0300G0370P	30.0	40	29,350,000
				HAVXS4T0370G0450P	37.0	50	31,782,000
				HAVXS4T0450G0550P	45.0	60	42,803,000
				HAVXS4T0550G0750P	55.0	75	47,053,000
				HAVXS4T0750G0900P	75.0	100	61,491,000
				HAVXS4T0900G1100P	90.0	120	72,819,000
				HAVXS4T1100G1320P	110.0	145	80,205,000
				HAVXS4T1320G1600P	132.0	175	98,611,000
				HAVXS4T1600G1850P	163.0	215	133,184,000



Latest Project References

National Housing Authority
Philippines

HIMEL - THƯƠNG HIỆU TOÀN CẦU

Himel là nhà sản xuất và cung cấp thiết bị điện an toàn hàng đầu đến từ Châu Âu, có lịch sử phát triển và kế thừa hơn 60 năm và hiện diện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

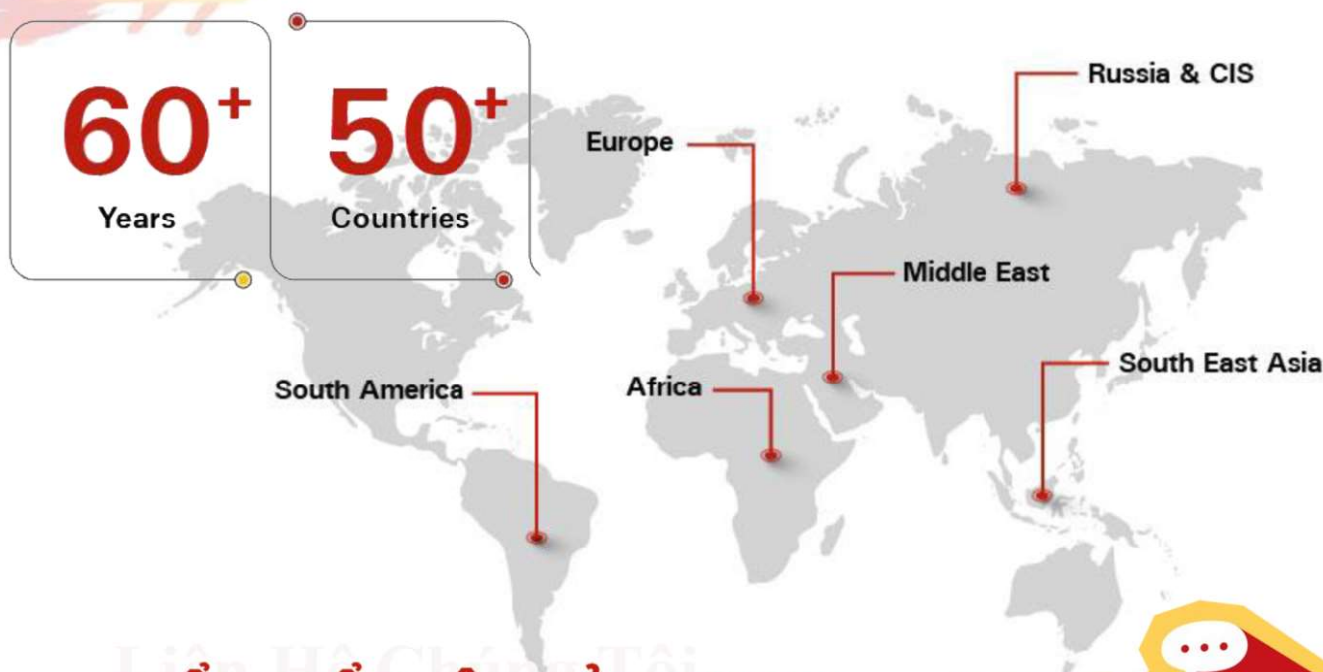
Himel được thành lập tại Tây Ban Nha vào năm 1958 chuyên sản xuất các sản phẩm cơ điện. Năm 1974, Himel mở rộng thị trường ra các khu vực như châu Phi, Đông Nam Á và Nam Mỹ, đánh dấu bước chuyển mình trở thành một thương hiệu toàn cầu, khẳng định vị thế trong ngành công nghiệp điện.

Himel định hình bản thân là một thương hiệu dành cho mọi người, với tệp khách hàng từ chính quyền địa phương, các doanh nghiệp cho đến các cá nhân có nhu cầu về thiết bị điện an toàn, đi kèm với dãy sản phẩm đa dạng phục vụ cho mọi giải pháp khác nhau từ dân dụng, công nghiệp, cao ốc, năng lượng.... Himel luôn là sự lựa chọn đúng đắn cho mỗi khách hàng.

Với việc ứng dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, quy trình quản lý nhà cung cấp chuyên nghiệp và hệ thống quản lý phân phối hoàn toàn tự động, Himel cam kết đem đến cho khách hàng toàn cầu các sản phẩm chất lượng tốt, đa dạng cùng với mức giá thành phù hợp nhất có thể tại thị trường.

Himel

Founded in Spain in 1958



ĐIỂM NỔI BẬT CỦA HIMEL

High Performance (Hiệu suất cao)

Improved Energy Savings (Tiết kiệm năng lượng)

Multitudes of function (Đa chức năng)

Easy to Use (Dễ cài đặt và sử dụng)

Longer Lifetime running (Hoạt động lâu bền)



Himel là viết tắt của?

Himel



Founded in Spain in 1958



Ổ CẮM CÔNG TẮC
TRANG 1



CẦU DAO MCB
TRANG 5



TỦ PHÂN PHỐI MCB
TRANG 8



CHỐNG SÉT
TRANG 9



NGUỒN TỎ ONG
TRANG 10



CẦU DAO MCCB
TRANG 11



ACB
TRANG 13



CONTACTOR
TRANG 14



RELAY NHIỆT
TRANG 15



CONTACTOR TỰ BÙ
TRANG 16



TỤ BÙ
TRANG 17



MOTOR PROTECTOER
TRANG 18



CÔNG TẮC XOAY,
NÚT NHẤN
TRANG 19



PHỤ KIỆN
TỦ BẢNG ĐIỆN FORT
TRANG 21



PHÍCH,
Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP
TRANG 24



BIẾN TẦN
TRANG 26

HCMC Office:
Unit 7.2 7th Floor, E-Town Building
364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., HCMC
Tel: (84 8) 38 103 103
Fax: (84 4) 38 120 477

Hanoi Office:
8th Floor, Vinaconex Building
34 Lang Ha St., Dong Da Dist.,
Tel: (84 4) 38 314 037
Fax: (84 4) 38 314 039

Importers:
TAM GIAO ELECTRIC COMPANY